

Danh sách Trạng Nguyên Việt Nam

1) Lê Văn Thịnh (1038- ?)

Người làng Đông Cứu , huyện Yên Định, Bắc Giang. Đỗ Trạng nguyên khoa thi Ất Mão niên hiệu Thái Ninh thứ 4 (1075), đời Lý Nhân Tông. Là một người văn võ song toàn. Có công to trong cuộc thương lượng ở đất Vĩnh Bình(thuộc châu Ung sát huyện Quang Lang, tỉnh Cao Bằng thời Lý) năm 1084. Vì có công nên được thăng chức thái sư.

2) Mạc Hiến Tích (? - ?)

Người làng Long Động, huyện Chí Linh (Nay là Hải Hưng). Đỗ Trạng nguyên khoa Bính Dần niên hiệu Quảng Hựu thứ 2 (1086), đời Lý Nhân Tông. Làm quan Hàn lâm Học sĩ rồi thăng lên đến Thượng thư (Mạc Đình Chi là cháu 5 đời của ông).

3) Bùi Quốc Khái (? - ?)

Người làng Bình Lãng, phủ Thượng Hồng (Nay là huyện Cẩm Bình, Hải Hưng). Đỗ Trạng nguyên khoa Ất Tỵ niên hiệu Trịnh Phù thứ 10 (1185), đời Lý Cao Tông. Ông đỗ cao và được nhận chức Nhập thị Kinh diên (dạy Thái tử và hầu vua học)

4) Nguyễn Công Bình (? - ?)

Người đất Yên Lạc, phủ Tam Đới (Vĩnh Phú ngày nay). Đỗ Trạng nguyên khoa Quý Dậu niên hiệu Kiến Gia thứ 3 (1213), đời Lý Huệ Tông. Làm quan đến Hàn lâm Học sĩ .

5) Trương Hanh (? - ?)

Người làng Mạnh Tân (Yên Tân), huyện Gia Phúc, phủ Hạ Hồng , Hải Dương (huyện Tứ Lộc, Hải Hưng ngày nay). Đỗ Trạng nguyên khoa Nhâm Thìn, niên hiệu Kiên Trung thứ 8(1232), đời Trần Thái Tông . Làm quan đến Thị lang, Hàn lâm Học sĩ .

6) Nguyễn Quan Quang (? - ?)

Người xã Tam sơn, huyện Đông Ngàn, Kinh Bắc(huyện Tiên Sơn , Hà Bắc ngày nay). Đỗ Trạng nguyên khoa Giáp Ngọ(1234). Làm quan đến chức Bộc xạ, tằng hàm Đại Tư không .

7) Lưu Miễn (? - ?)

Còn có tên Lưu Miện, không rõ quê quán. Đỗ Trạng nguyên khoa Kỷ Hợi niên hiệu Thiên Ứng - Chính Bình thứ 8 (1239), đời Trần Thái Tông. Làm quan tới chức Hàn lâm Thị độc .

8) Nguyễn Hiền (1234 - ?)

Người xã Dương A, huyện Thượng Hiền, sau đổi là Thượng Nguyên (nay là huyện Nam Ninh, Hà Nam Ninh). Đỗ Trạng nguyên khoa Đinh Mùi , niên hiệu Thiên Ứng-Chính Bình thứ 16(1247), đời Trần Thái Tông. Khi ấy ông mới 13 tuổi, vì còn thiếu niên vua cho về quê 3 năm tu dưỡng . Làm quan đến chức Thượng thư bộ Công. Về hưu, mất tại nhà. Có đi sứ Nguyên vài lần .

9) Trần Quốc Lặc (? - ?)

Người làng Uông Hạ, huyện Thanh Lâm, châu Thượng Hồng (nay là huyện Nam Thanh , Hải Hưng). Đỗ Trạng nguyên khoa Bính Thìn niên hiệu Nguyên Phong thứ 6 (1256), đời Trần Thái Tông. Làm quan đến Thượng thư. Sau khi mất, vua phong làm Phúc thần, hiệu

là Mạnh Đạo Đại Vương .

10) Trương Xán (? - ?)

Người xã Hoành Bồ, huyện Quảng Trạch , châu Bố Chính (nay thuộc tỉnh Bình Trị Thiên). Đỗ Trại Trạng nguyên, cùng khoa với kinh Trạng nguyên Trần Quốc Lặc năm 1256, đời Trần Thái Tông. (Thời Trần nếu ai quê từ Ninh Bình trở ra đỗ Trạng nguyên thì gọi là Kinh Trạng nguyên, còn từ Thanh Hoá trở vào gọi là Trại). Về tri thức đều phải giỏi như nhau .

11) Trần Cốc (? - ?)

Người xã Phạm Triền , huyện Thanh Miện, phủ Hạ Hồng (nay thuộc huyện Ninh Khan, Hải Hưng). Đỗ Kinh Trạng nguyên khoa Bính Dần niên hiệu Thiệu Long thứ 9 (1266), đời Trần Thánh Tông. Làm quan đến Hiến sát sứ .

12) Bạch Liêu (? - ?)

Người xã Nguyên Xá, huyện Đông Thành, phủ Diên Châu(nay thuộc tỉnh Nghệ Tĩnh). Đỗ Trại Trạng nguyên cùng khoa với Kinh Trạng nguyên Trần Cốc khoa Bính Dần. Sau khi qua đời được vua phong cho làm Phúc thần, hiệu là Đương Cảnh thành hoàng Đại Vương.

13) Lý Đạo Tái (1254 - 1334)

Người làng Vạn Tải, huyện Gia Định xứ Kinh Bắc (nay là huyện Thuận Thành , Hà Bắc). Đỗ Trạng nguyên khoa Nhâm Tý, niên hiệu Nguyên Phong thứ 2 (1252), đời Trần Thái Tông. Làm quan ở Đông các Viện Hàn lâm, có đi sứ Trung Quốc. Về sau , ông bỏ quan đi tu ở chùa Quỳnh Lâm (Hải Dương cũ), được sư pháp Loa và Trần Nhân Tông (tổ thứ nhất) rất trọng . Năm 1317, Pháp Loa (vị tổ thứ 2) đem y bát của Điều ngự giác hoàng (tổ thứ nhất) truyền cho . Sau khi được truyền Y bát, Đạo Tái lên tu ở núi Yên Tử làm vị tổ thứ 3 của phái Phật Trúc Lâm, với đạo hiệu Huyền Quang Tôn Giả . Huyền Quang giỏi thơ văn. Hiện còn tác phẩm " Trần triều thế phả hành trạng "

14) Đào Thúc (? - ?)

Người xã Phủ Lý, huyện Đông Sơn (nay thuộc tỉnh Thanh Hoá). Đỗ Trạng nguyên khoa Ất Hợi, niên hiệu Bảo Phù thứ 3 (1275), đời Trần Thánh Tông . Không rõ ông làm quan đến chức gì. Chỉ biết sau khi chết ông được phong Phúc thần tại địa phương .

15) Mạc Đình Chi (1272 - 1346)

Có tên tự 9 tên chữ là Tiết Phu, người làng Lũng Động. Đỗ Trạng nguyên khoa Giáp Thìn niên hiệu Hưng Long thứ 12 (1304), đời Trần Anh Tông. Làm quan đến Tả bộc xạ (tức Thượng thư), đi sứ nhà nguyên 2 lần. Thân hình xấu xí, tính giản dị thanh liêm, minh mẫn, đối đáp nhanh . Khi vào thi Đình, vua thấy ông quái dị , tỏ ý không hài lòng. Ông liền làm bài " Ngọc tỉnh liên phú " (bài phú hoa sen trong giếng ngọc) để tỏ chí mình. " Ngọc tỉnh liên phú ", thơ và câu đối của ông vẫn còn truyền tới ngày nay trong sách "Việt âm thi tập" và " Toàn Việt thi lục " .

16) Đào Sư Tích (? - ?)

Người làng Cổ Lễ, huyện Nam Chân , sau đổi là huyện Nam Trực, phủ Thiên Trường (nay thuộc huyện Nam Ninh , Hà Nam Ninh). Đỗ trạng nguyên khoa Giáp Dần niên hiệu Long Khánh thứ 2 (1374), đời Trần Duệ Tông. Làm quan Tả tư lang trung, Nhập nội Hà khiển Hành khiển . Vua sai ông chép sách " Bảo hòa điện dư bút ". Thời Hồ Quý Ly, bị

giáng xuống Trung tư thị lang, Tri thẩm hình viên sự. Sau khi qua đời dân làng Cổ Lễ thờ ông làm Thành hoàng, được nhiều triều đại vua chúa ban sắc cho làm Thượng đẳng thần.

17) Lưu Thúc Kiệm (? - ?)

Người làng Trạm Lê, huyện Gia Bình, phủ Thuận Am, xứ Kinh Bắc (nay thuộc huyện Gia Lương, Hà Bắc). Đỗ Trạng nguyên khoa Canh Thìn niên hiệu Thánh nguyên thứ nhất (1400), đời Hồ Quý Ly Làm quan đến Hàn Lâm trực học sĩ. Ông giỏi văn từ biện bạch nên Hồ Quý Ly giao cho thảo các văn từ bang giao với các nước láng giềng. Ông là bạn cùng khoa với nhiều người nổi tiếng như Nguyễn Trãi, Lý Tử Tấn, Vũ Mộng Nguyên ... Họ đều phục tài năng mẫn cán và đức tính liêm khiết của ông.

18) Nguyễn Trực (1417 - 1474)

Có tên chữ là Công Dĩnh, tên hiệu là Hu Liêu, người làng Bối Khê, huyện Ứng Thiên, trấn Sơn Nam (nay thuộc huyện Thanh Oai , Hà Sơn Bình). Đỗ Trạng nguyên khoa Nhâm Tuất, niên hiệu Đại Bảo thứ 3(1442), đời Lê Thái Tông. Làm quan đến Hàn lâm viện Thị giảng, đi sứ nhà Minh gặp khi thi hội, ứng chế ông lại đỗ đầu. Người đương thời gọi ông là Lương quốc Trạng nguyên- Trạng nguyên hai nước . Hiện còn 3 tác phẩm : Bảo anh lương phương (y học), Hu Liêu tập (văn), và Ngu nhàm (văn).

19) Nguyễn Nghiêu Tư (? - ?)

Có tên hiệu là Tùng Khê, thuở nhỏ còn có tên tục là Lợn vì đẻ tháng Hợi, người xã Phú Lương , huyện Võ Giàng , phủ Từ Sơn, xứ Kinh Bắc (nay thuộc huyện Quê Võ, Hà Bắc). Đỗ Trạng nguyên khoa Mậu Thìn niên hiệu Thái Hoà thứ 6 (1448), đời Lê Nhân Tông. Làm quan An phủ sứ, Hàn lâm trực học sĩ. Đi sứ nhà Minh rồi được thăng lên Lại bộ Thượng thư .

20) Lương Thế Vinh (1441 - ?)

Có tên chữ là Cảnh Nghị , hiệu là Thụy Hiên, người làng Cao Hương, huyện Thiên Bản, trấn Sơn Nam Hạ (nay là huyện Vụ bản, Hà Nam Ninh). Đỗ Trạng nguyên khoa Quý Mùi niên hiệu Quang Thuận thứ 4 (1463), đời LêThánh Tông. Làm quan các chức: Trực học sĩ viện Hàn lâm, Thị thư, Chuông viên sự. Ông chẳng những giỏi văn còn giỏi toán nên người đương thời gọi ông là Trạng Lường .

21) Vũ Kiệt (? - ?)

Người xã Yên Việt, huyện Siêu Loại, Kinh Bắc (nay là huyện Thuận Thành , Hà Bắc). Đỗ Trạng nguyên khoa Quý Tỵ, niên hiệu Hồng Đức thứ 3 (1473), đời Lê Thánh Tông. Làm quan đến Tả thị lang kiêm Đông các hiệu thư.

22) Vũ Tuấn Thiệu (1425 - ?)

Người làng Nhật Thiệu, huyện Quảng Đức, phủ Trung Đô (Nay thuộc huyện Từ Liêm, Hà Nội). Đỗ Trạng nguyên khoa Ất Mùi , niên hiệu Hồng Đức thứ 6 (1475), đời Lê Thánh Tông. Làm quan đến Lại bộ Tả thị lang.

23) Phạm Đôn Lễ (1454 - ?)

Người làng Hải Triều , huyện Ngự Thiên, phủ Long Hưng, trấn Sơn Nam Hạ (nay thuộc huyện Hưng Hà, Thái Bình). Đỗ Trạng nguyên khoa Tân Sửu, niên hiệu Hồng Đức thứ 12 (1481), đời Lê Thánh Tông. Làm quan đến Thị lang, Thượng thư. Ông là tổ sư nghề dệt chiếu cói Hới nổi tiếng của tỉnh Thái Bình .

24) Nguyễn Quang Bật (1463 - 1505)

Người làng Bình Ngô, huyện Gia Bình, phủ Thuận An, Kinh Bắc (Nay là huyện Gia Lương, Hà Bắc). Đỗ Trạng nguyên khoa Giáp Thìn, niên hiệu Hồng Đức thứ 15 (1484), đời Lê Thánh Tông. Làm quan Hàn lâm Hiệu lý. Ông là thành viên nhóm Tao Đàn nhị thập bát tú. Vì trái ý của Lê Uy Mục nên bị giáng xuống Thừa Tuyên, Quảng Nam. Vua sai người mật tìm chết ở sông Phúc Giang. Tương Dực Đế biết ông chết oan, bèn truy phong tước Bá , và tặng lá cờ thêu 3 chữ " Trung Trạng Nguyên ". Vua còn cho dân địa phương lập miếu thờ làm thành hoàng .

25) Trần Sùng Dĩnh (1465 - ?)

Người làng Đông Khê, huyện Thanh Lâm, phủ Thượng Hồng (Nay là huyện Thanh Hà, Hải Hưng). Đỗ Trạng nguyên khoa Đinh Mùi niên hiệu Hồng Đức thứ 18 (1487), đời Lê Thánh Tông. Làm quan Đô ngự sử Thập nhị Kinh diên, rồi được thăng lên Hộ bộ Thượng thư. Khi mất được phong cho làm Phúc thần tại quê.

26) Vũ Duệ (? - 1520)

Còn có tên là Vũ Công Duệ, tên lúc nhỏ là Nghĩa Chi, người xã Trình Xá, huyện Sơn Vi, trấn Sơn Tây(nay thuộc huyện Thanh Sơn, tỉnh Vĩnh Phú). Đỗ Trạng nguyên khoa Canh Tuất, niên hiệu Hồng Đức thứ 21 (1490). Làm quan đến Lại bộ Thượng thư kiêm Đông các Đại học sĩ châu Kinh diên, được tặng Thiếu bảo, tước Trịnh Khê Hầu

27) Vũ Tích (? - ?)

Có sách cho là Vũ Dương, người làng Man Nhuế, huyện Thanh Lâm, Thừa Tuyên , Hải Dương (nay thuộc huyện Nam Thanh , Hải Hưng). Đỗ Trạng nguyên khoa Quý Sửu, niên hiệu Hồng Đức thứ 24 (1493). Làm quan đến Hàn lâm Thị thư, đi sứ Trung Quốc, được thăng lên Công bộ Thượng thư, tước Hậu Cốc chân trong nhóm Tao Đàn nhị thập bát tú của Lê Thánh Tông .

28) Nghiêm Hoàn (? - ?)

Còn có tên là Viên, xã Phùng Ninh Giang, huyện Quế Dương, phủ Từ Sơn, trấn Kinh Bắc (nay huyện Quế Võ, Hà Bắc). Đỗ Trạng nguyên khoa Bính Thìn niên hiệu Hồng Đức thứ 27 (1496), đời Lê Thánh Tông. Ông mất ngay sau khi đỗ, chưa kịp nhận chức .

29) Đỗ Lý Khiêm (? - ?)

Người xã Dong Lãng, phủ Kiến Xương, trấn Sơn Nam Hạ (Nay là huyện Vũ Thư , Thái Bình). Đỗ Trạng nguyên khoa thi Kỷ Mùi, niên hiệu Cảnh Thống thứ 2 (1499), đời Lê Hiến Tông. Làm quan đến Phó đô Ngự sử. Đi sứ nhà Minh bị mất ở dọc đường.

30) Lê Ích Mộc (? - ?)

Người xã Thanh Lãng, huyện Thủy Đường, phủ Kinh Môn (Nay là huyện Thủy Nguyên , thành phố Hải Phòng). Đỗ Trạng nguyên khoa Nhâm Tuất, niên hiệu Cảnh Thống thứ 5 (1502), đời Lê Hiến Tông . Làm quan đến Tả thị lang. Trước khi đỗ đạt , ông ở chùa Diên Phúc, nên đến khi ông chết, nhân dân địa phương lập miếu thờ và tạc tượng ông thờ ở cạnh chùa

31) Lê Nại (1528 - ?)

Có sách chép là Lê Đình, người xã Mộ Trạch , huyện Đường Am, phủ Thượng Hồng(nay là huyện Cẩm Bình, Hải Hưng). Đỗ Trạng nguyên khoa Ất Sửu, niên hiệu Đoan Khánh

thứ nhất (1505), đời Lê Uy Mục. Làm qua đến Hộ bộ Thị Lang , lúc mất được tặng tước Đạo Trạch Bá.

32) Nguyễn Giản Thanh (1482 - ?)

Người xã Hương Mặc (Ông Mặc), huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn, Kinh Bắc (nay là huyện Tiên Sơn , Hà Bắc). Đỗ Trạng nguyên khoa Mậu Thìn, niên hiệu Đoan Khánh thứ 4 (1508), đời Lê Uy Mục . Làm quan đến Viện hàn lâm Thị thư, kiêm Đông các Đại học sĩ. Đi sứ phương Bắc rồi được thăng lên Thượng thư, Hàn lâm Thị độc Chương viện sự, tước Trung Phủ Bá, lúc mất được tặng tước Hầu .

33) Hoàng Nghĩa Phú (1479 - ?)

Người xã Lương Xá(sau làm nhà ở Đan Khê), huyện Thanh Oai , tỉnh Hà Sơn Bình (nay là xã Đa Sĩ, Thanh Oai, Hà Sơn Bình). Đỗ Trạng nguyên khoa Tân Mùi, niên hiệu Hồng Thuận thứ 2 (1511), đời Lê Tương Dực . Làm quan đến Tham tri chính sự, kiêm Đô ngự sử. Lúc mất được phong làm phúc thần.

34) Nguyễn Đức Lượng (? - ?)

Người xã Canh Hoạch, huyện Thanh Oai, phủ Ứng Thiên, trấn Sơn Nam (nay thuộc Thanh Oai, Hà Sơn Bình). Đỗ Trạng nguyên niên hiệu Hồng Thuận thứ 5 (1514), đời Lê Tương Dực. Đi sứ phương Bắc, lúc mất được tặng Thượng thư.

35) Ngô Miên Thiệu (Thiệu) (1498 - ?)

Người xã Tam Sơn, huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn, Kinh Bắc (nay thuộc huyện Tiên Sơn, Hà Bắc). Đỗ Trạng nguyên khoa Mậu Dần, niên hiệu Quan Thiệu thứ 3 (1518), đời Lê Chiêu Tông. Làm quan cho nhà Mạc đến Thượng thư kiêm Đô ngự sử, Nhập thị Kinh diên, tước Lý Khê.

36) Hoàng Văn Tán (? - ?)

Đỗ Trạng nguyên khoa Quý Mùi, niên hiệu Thống Nguyên thứ 2 (1523) thời Lê Cung Đế.

37) Trần Tất Văn (? - ?)

Người xã Nguyệt Áng, huyện An Lão, phủ Kinh Môn, Hải Dương (nay thuộc ngoại thành Hải Phòng). Đỗ Trạng nguyên khoa Bính Tuất, niên hiệu Thống Nguyên thứ 5 (1526), thời Lê Cung Đế . Thời Mạc, đi sứ phương Bắc, rồi làm đến Thượng thư, tước Hàn Xuyên Bá .

38) Đỗ Tông (? - ?)

Người xã Lại Ốc, huyện Tế Giang, phủ Thuận An, Kinh Bắc (nay thuộc huyện Mỹ Văn, tỉnh Hải Hưng). Đỗ Trạng nguyên khoa Kỷ Sửu, niên hiệu Minh Đức thứ 3 (1529), đời Mạc . Làm quan đến Đông các Đại học sĩ. Lúc mất được truy tặng Hình bộ Thượng thư

39) Nguyễn Thiên (? - ?)

Có tên hiệu là Cảo Xuyên , người làng Canh Hoạch, huyện Thanh Oai, trấn Sơn Nam (nay thuộc tỉnh Hà Sơn Bình). Đỗ Trạng nguyên khoa Nhâm Thìn, niên hiệu Đại Chính thứ 3 (1532), đời Mạc Thái Tông (Đăng Doanh). Làm quan đến Thượng thư bộ Lại kiêm Đô ngự sử, tước Thư Quận Công . Thọ 63 tuổi .

40) Nguyễn Bình Khiêm (1491 - 1585)

Có tên chữ là Hạnh Phủ. hiệu là Bạch Vân tiên sinh , biệt hiệu Tuyết Giang Phu Tử . Đỗ

Trạng nguyên khoa Ất Mùi , niên hiệu đại chính thứ 6 (1535), đời Mạc Thái Tông. Làm Đông các Hiệu thư, Lại bộ Tả thị lang kiêm Đông các Đại học sĩ, tước Trình Tuyền Hầu .

41) Giáp Hải (? - ?)

Sau đổi tên là Giáp Trung, hiệu Tiết Trai, người làng Dĩnh Kế, huyện Phượng Nhãn (nay thuộc huyện Yên Dũng, Hà Bắc). Đỗ Trạng nguyên khoa Mậu Tuất, niên hiệu Đại Chính thứ 9 (1538), đời Mạc Thái Tông. Làm quan đến Lục bộ Thượng thư kiêm Đông các Đại học sĩ, Nhập thị Kinh diên, tước Kế Khê Bá, Luân Quận Công .

42) Nguyễn Kỳ (? - ?)

Người làng Bình Dân, huyện Đông Yên, phủ Khoái Châu , trấn Sơn Nam Hạ (nay là huyện Châu Giang, Hải Hưng). Đỗ Trạng nguyên khoa Tân Sửu , niên hiệu Quang Hoà thứ nhất (1541), đời Mạc Hiến Tông (Phúc Hải). Làm quan đến Hàn lâm Thị thư.

43) Dương Phú Tư (? - ?)

Người làng Lạc Đạo, huyện Gia Lâm, phủ Thuận An, trấn Kinh Bắc (nay thuộc huyện Văn Lâm, Hải Hưng). Đỗ Trạng nguyên khoa Đinh Mùi, niên hiệu Vĩnh Định thứ nhất (1547), đời Mạc Tuyên Tông (Phúc Nguyên). Làm quan Tham Chính. Dâng sớ xin qui thuận Lê Thế Tông rồi đi ở ẩn .

44) Trần Bảo (1523 - ?)

Người xã Cổ Chũr, huyện Giao Thủy , trấn Sơn Nam Hạ (nay thuộc huyện Xuân Thủy, Hà Nam Ninh). Đỗ Trạng nguyên khoa Canh Tuất, niên hiệu Cảnh Lịch thứ 3 (1550), đời Mạc Tuyên Tông . Làm quan Thượng thư, đi sứ phương Bắc, tước Nghĩa Sơn Bá, được tặng Quận Công .

45) Nguyễn Lượng Thái (? - ?)

Người xã Bình Ngô, huyện Gia Định , phủ Thuận An, trấn Kinh Bắc (nay thuộc huyện Thuận Thành, Hà Bắc). Đỗ Trạng nguyên khoa Quý Sửu, niên hiệu Cảnh Lịch thứ 6 (1553), đời Mạc Tuyên Tông . Làm quan đến Tả thị lang bộ Lễ, kiêm Đông các Đại học sĩ, tước Định Nham Hầu .

46) Phạm Trấn (? - ?)

Người xã Lam Kiều, huyện Gia Phúc , phủ Hạ Hồng , Hải Dương (nay thuộc huyện Tứ Lộc, Hải Hưng). Đỗ Trạng nguyên khoa Bính Thìn , niên hiệu Quang Bảo thứ 3 (1556), đời Mạc Tuyên Tông . Làm quan cho nhà Mạc, khi nhà Mạc mất, cự tuyệt không ra làm quan cho nhà Lê nên bị ám hại

47) Đặng Thì Thố (1526 - ?)

Người làng Yên Lạc, huyện Thanh Lâm (nay thuộc huyện Thanh Hà, Hải Hưng). Đỗ Trạng nguyên khoa Kỷ Mùi , niên hiệu Quang Bảo thứ 6 (1559), đời Mạc Tuyên Tông. Được nhà Mạc rất trọng dụng .

48) Phạm Đăng Quyết (? - ?)

Tên lúc nhỏ là Phạm Duy Quyết, người làng Xác Khê, huyện Chí Linh, phủ Nam Sách, Hải Dương (Hải Hưng ngày nay). Đỗ Trạng nguyên khoa Nhâm Tuất , niên hiệu Thuần Phúc thứ nhất (1562), đời Mạc Mậu Hợp . Làm quan đến Tả thị lang kiêm Đông các Đại học sĩ, tước Xác Khê Hầu .

49) Phạm Quang Tiến (? - ?)

Người làng Lương Xá, huyện Lương Tài, trấn Kinh Bắc (nay thuộc huyện Thuận Thành , Hà Bắc). Đỗ Trạng nguyên khoa Ất Sửu, niên hiệu Thuận Phúc thứ 4 (1565), đời Mạc Mậu Hợp. Mất trên đường đi sứ Trung Quốc.

50) Vũ Giới (? - ?)

Người xã Lương Xá, huyện Lương Tài , trấn Kinh Bắc (Thuận Thành, Hà Bắc ngày nay). Đỗ Trạng nguyên khoa Đinh Sửu, niên hiệu Sùng Khang thứ 12 (1577). Làm quan đến lại bộ Thượng thư

51) Nguyễn Xuân Chính (1587 - ?)

Người làng Phù Chấn, huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn, Kinh Bắc (nay thuộc huyện Tiên Sơn, Hà Bắc). Đỗ Trạng nguyên khoa Đinh Sửu, niên hiệu Dương Hòa thứ 3 (1637), đời Lê Thần Tông . Làm quan đến Lại bộ Tả thị lang. Được tặng Thượng thư, tước Hầu

52) Nguyễn Quốc Trinh (1624 - 1674)

Người làng Nguyệt Áng, huyện Thanh Trì, phủ Thường Tín, Trấn Sơn Nam Thượng (nay là xã Đại Áng, huyện Thanh Trì , Hà Nội). Đỗ Trạng nguyên khoa Kỷ Hợi, niên hiệu Vĩnh Thọ thứ 2 (1659), đời Lê Thần Tông . Làm quan đến Bồi tụng. Đi sứ Thanh, bị giết hại, sau được truy tặng Binh bộ Thượng thư, Trì Quận Công. Vua cho tên thụy là Cường Trung và phong cho làm Thượng đẳng Phúc thần.

53) Đặng Công Chất (1621 - 1683)

Người làng Phù Đổng, huyện Tiên Du, phủ Từ Sơn, trấn Kinh Bắc (nay thuộc huyện Gia Lâm, Hà Nội). Đỗ Trạng nguyên khoa Tân Sửu, niên hiệu Vĩnh Thọ thứ 4 (1661). Làm quan đến Thượng thư bộ Binh, bộ Hình. Lúc mất được tặng Thiếu Bảo, tước Bá.

54) Lưu Danh Công (1643 - ?)

Người làng Phương Liệt, huyện Thanh Trì, phủ Thường Tín, trấn Sơn Nam (Nay thuộc huyện Thanh Trì, Hà Nội). Đỗ Trạng nguyên khoa Canh Tuất, niên hiệu Cảnh Trị thứ 8 (1670), đời Lê Huyền Tông. Làm quan đến Hàn lâm Học sĩ .

55) Nguyễn Đăng Đạo (1650 - 1718)

Sau đổi tên là Liên, người làng Hoài Bảo, huyện Tiên Sơn, trấn Kinh Bắc nay là huyện Tiên Sơn, Hà Bắc). Đỗ Trạng nguyên khoa Quý Hợi, niên hiệu Chính Hoà thứ 4 (1683), đời Lê Hy Tông. Làm quan đến Hữu thị lang bộ Lại, Thượng thư kiêm Đông các Đại học sĩ, tước Bá. Đi sứ Trung Quốc, lúc mất được tặng Thượng thư bộ Lại, Thọ Quận Công .

56) Trịnh Huệ (1701 - ?)

Có tên hiệu là Cúc Lam, người xã Sóc Sơn, huyện Quảng Hóa, Thanh Hoá (nay thuộc huyện Quảng Xương, Thanh Hoá). Đỗ Trạng nguyên khoa Bính Thìn, niên hiệu Vĩnh Hựu thứ 2 (1736), đời Lê Ý Tông. Làm quan Tham tụng rồi được thăng lên Thượng thư bộ Hình, Quốc Tử Giám Tế Tửu (thời Trịnh Doanh).

Trịnh Huệ là Trạng nguyên cuối cùng của lịch sử khoa cử Nho giáo Việt Nam .